

STT	Mã SV	Họ tên	Mã khoa	Mã lớp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn nợ
1	16025004	Nguyễn Trọng Nguyên	K16SDHCH	K23ATTT	29,148,000	20,175,000	8,973,000
2	16025005	Lê Anh Sơn	K16SDHCH	K23ATTT	25,818,000	23,370,000	2,448,000
3	16025057	Nguyễn Vũ Linh	K16SDHCH	K23ATTT	24,912,000	22,260,000	2,652,000
4	16025018	Nguyễn Minh Hòa	K16SDHCH	K23HTTT	25,590,000	19,065,000	6,525,000
5	16025019	Vân Thị Nhất	K16SDHCH	K23HTTT	24,912,000	15,735,000	9,177,000
6	16025021	Hoàng Đức Thọ	K16SDHCH	K23HTTT	27,744,000	17,955,000	9,789,000
7	16025025	Phạm Văn Thế Anh	K16SDHCH	K23HTTT	26,022,000	16,845,000	9,177,000
8	16025027	Nguyễn Duy Công	K16SDHCH	K23HTTT	27,744,000	17,955,000	9,789,000
9	16025030	Đặng Văn Hoạch	K16SDHCH	K23HTTT	29,295,000	20,730,000	8,565,000
10	16025031	Đình Quang Hồng	K16SDHCH	K23HTTT	23,925,000	9,255,000	14,670,000
11	16025065	Nguyễn Anh Dũng	K16SDHCH	K23HTTT	29,376,000	17,955,000	11,421,000
12	16025071	Nguyễn Tuấn Anh	K16SDHCH	K23HTTT	25,206,000	23,370,000	1,836,000
13	16025073	Nguyễn Mai Công	K16SDHCH	K23HTTT	26,022,000	23,370,000	2,652,000
14	16025034	Đoàn Xuân Dũng	K16SDHCH	K23KHMT	26,487,000	16,290,000	10,197,000
15	16025035	Nguyễn Đức Dũng	K16SDHCH	K23KHMT	29,589,000	21,840,000	7,749,000
16	16025036	Nguyễn Đình Hòa	K16SDHCH	K23KHMT	28,977,000	21,840,000	7,137,000
17	16025038	Đoàn Văn Mạnh	K16SDHCH	K23KHMT	29,907,000	27,255,000	2,652,000
18	16025039	Phan Mạnh Tiến	K16SDHCH	K23KHMT	26,544,000	22,260,000	4,284,000
19	16025075	Nguyễn Đức Anh	K16SDHCH	K23KHMT	24,855,000	22,815,000	2,040,000
20	16025085	Nguyễn Thị Thủy	K16SDHCH	K23KHMT	30,348,000	22,395,000	7,953,000
21	16025012	Nguyễn Mạnh Hùng	K16SDHCH	K23KTPM	27,573,000	19,620,000	7,953,000
22	16025013	Lã Thị Hồng	K16SDHCH	K23KTPM	28,038,000	25,590,000	2,448,000
23	16025059	Phạm Đức Bình	K16SDHCH	K23KTPM	28,935,000	16,290,000	12,645,000
24	16025062	Nguyễn Duy Quang	K16SDHCH	K23KTPM	25,818,000	23,370,000	2,448,000
25	16025094	Nguyễn Thị Thanh Bình	K16SDHCH	K23VLKT	19,485,000	12,960,000	6,525,000
26	16025095	Nguyễn Mạnh Hiếu	K16SDHCH	K23VLKT	19,485,000	12,960,000	6,525,000
27	16025096	Bùi Phạm Huy Hoàng	K16SDHCH	K23VLKT	19,485,000	12,960,000	6,525,000
28	16025042	Nguyễn Mạnh Công	K16SDHCH	K23ĐTVT	24,039,000	22,815,000	1,224,000
29	16025047	Lâm Vũ	K16SDHCH	K23ĐTVT	26,520,000	24,480,000	2,040,000
30	16025048	Vũ Thị Quỳnh Anh	K16SDHCH	K23ĐTVT	26,259,000	25,035,000	1,224,000
31	16025086	Phan Đình Bắc	K16SDHCH	K23ĐTVT	21,150,000	5,925,000	15,225,000